CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 31/12/2024	12,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.8%	**7.5%**	**2.0%**

DT thuần
Q4/24
147
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 2.8%
YoY: ▼1.00| -0.6%

LN thuần
Q4/24
54.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.30| 13.0%
YoY: ▲ 8.10| 17.4%

LN sau thuế
Q4/24
38.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60| -8.7%
YoY: ▲ 6.50| 20.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
30.4%
YoY: +/-▲ 8.0%

ROE
2024
19.3%
YoY: +/-▲ 6.0%

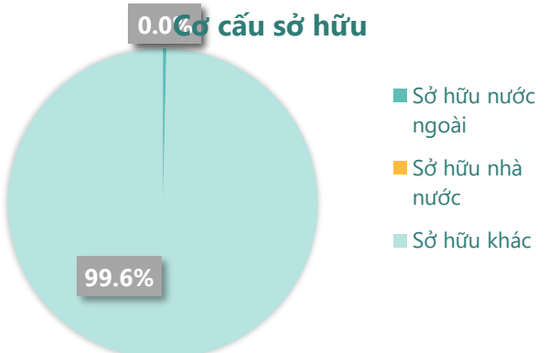
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,792 - 14,149
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	922
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,665
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	2.77
EPS	1,486
P/E	8.5

DT thuần
2024
470
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 6.1%

LN thuần
2024
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.4| 46.1%

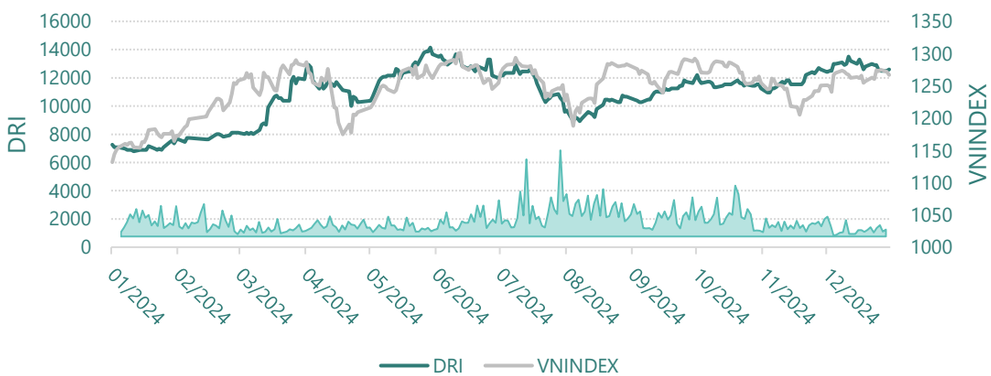
LN sau thuế
2024
110
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.3| 49.5%

Cơ cấu sở hữu

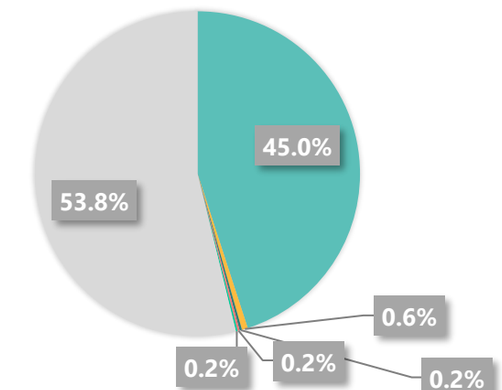


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



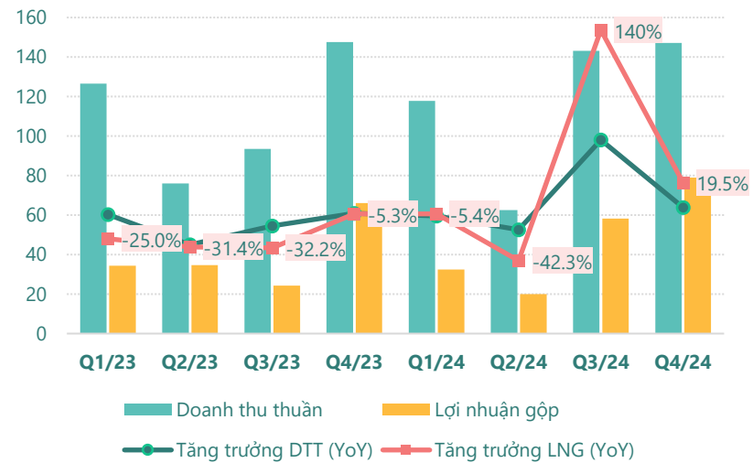
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

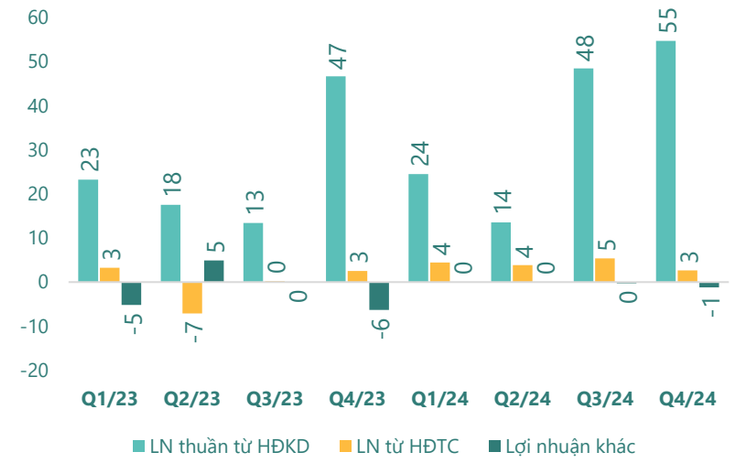
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



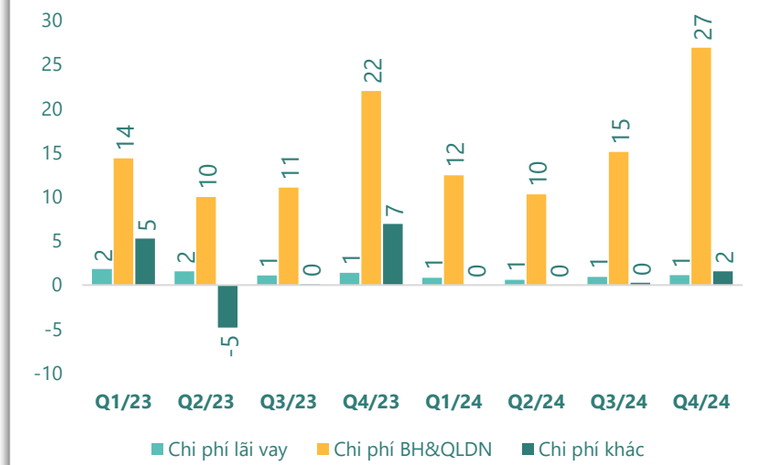
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



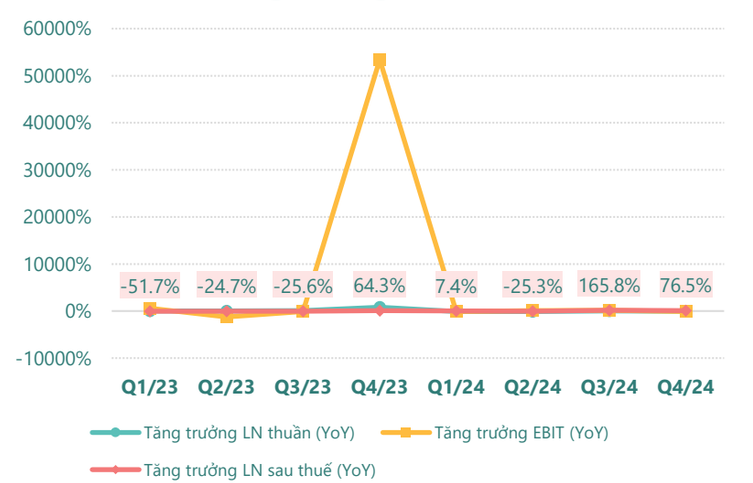
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



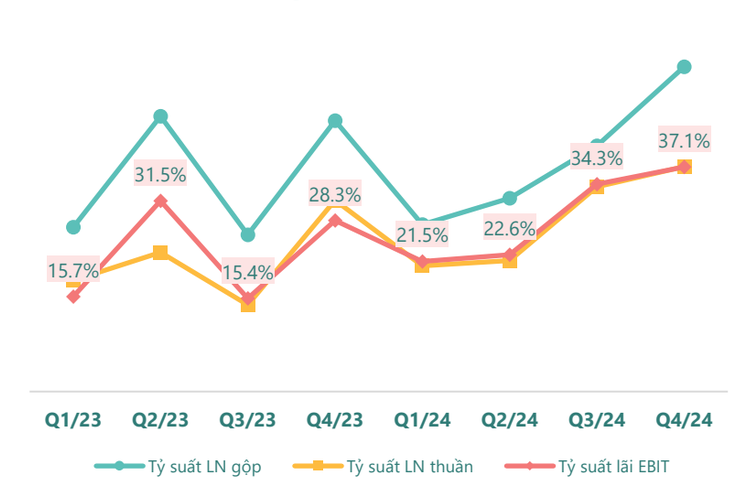
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



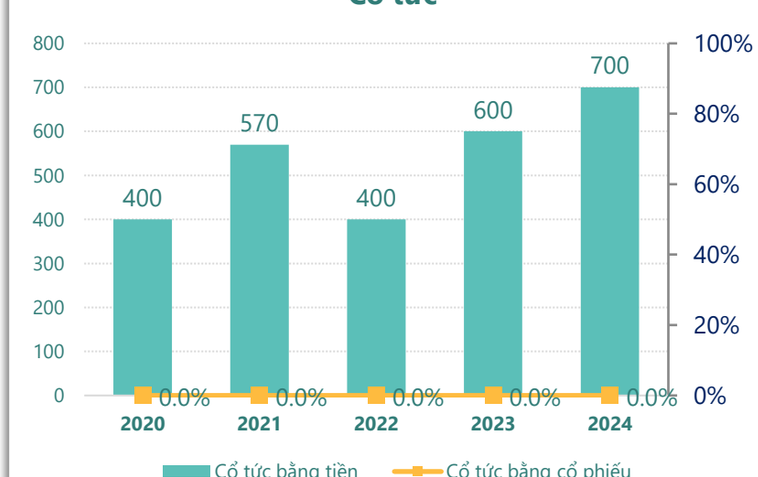
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

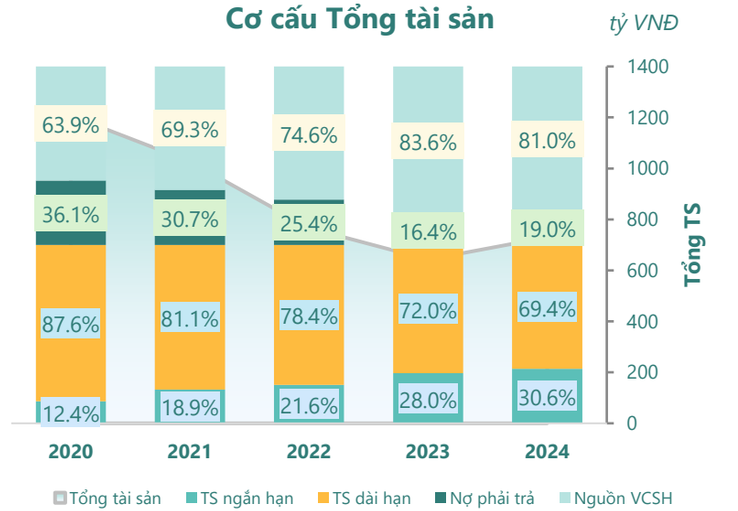
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

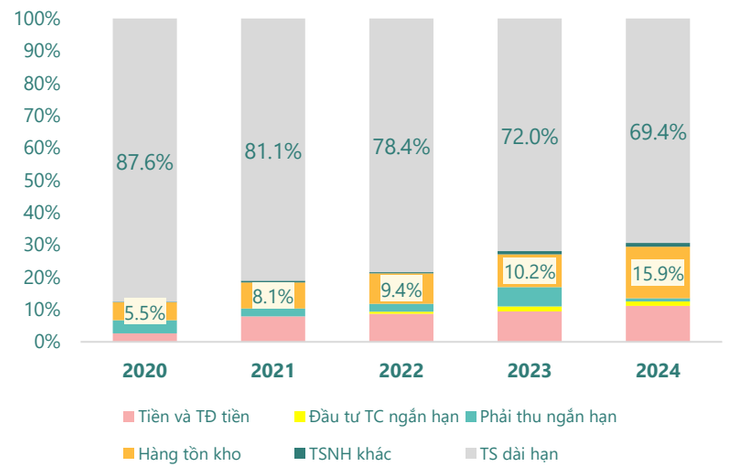
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



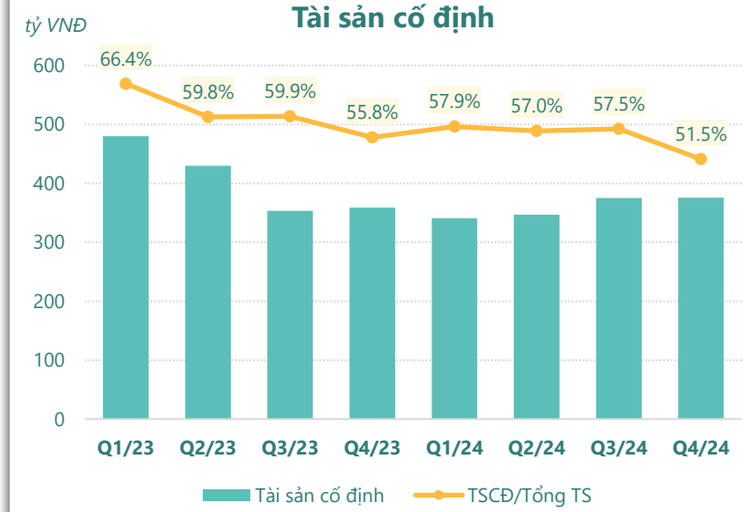
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



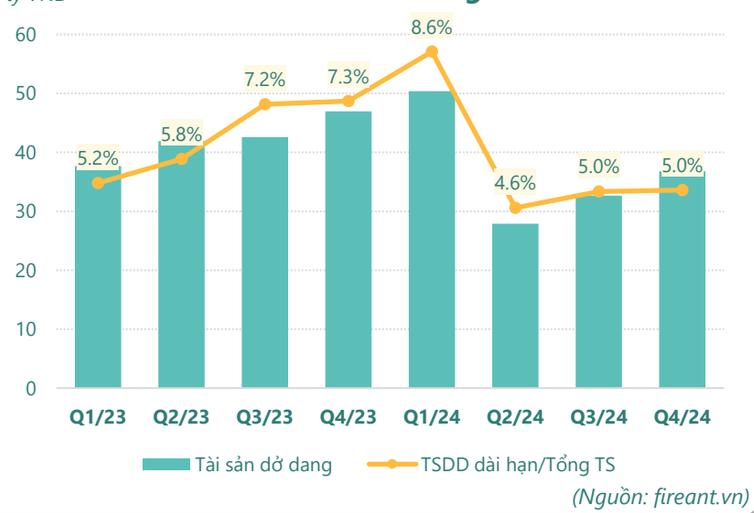
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



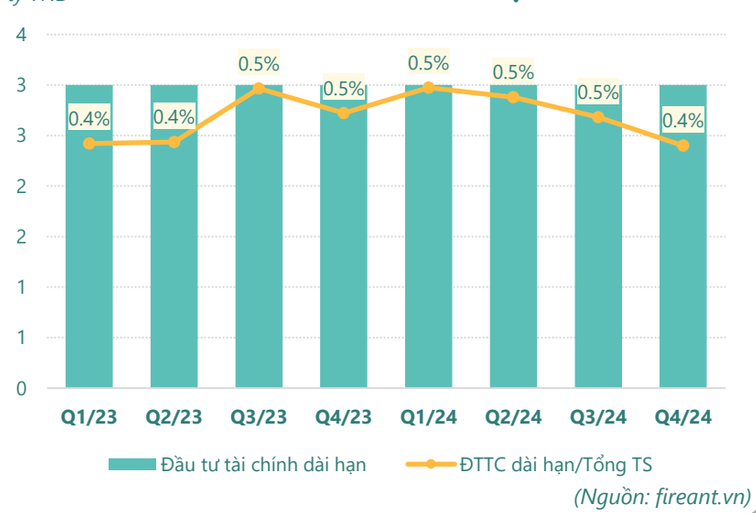
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



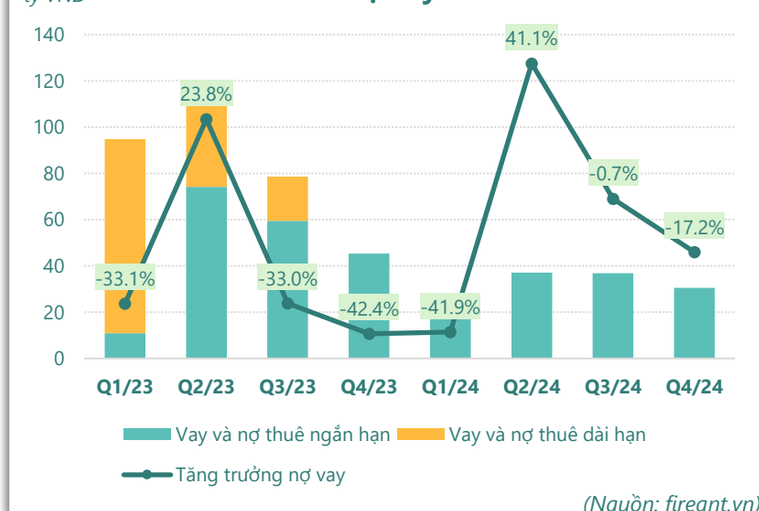
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

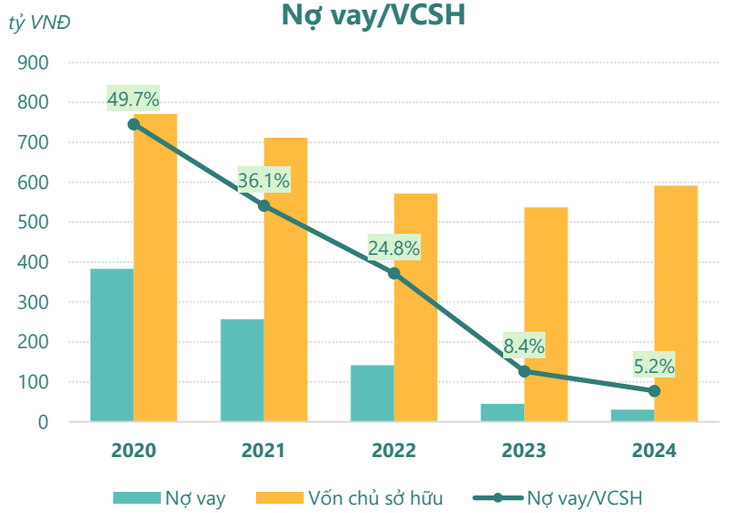
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

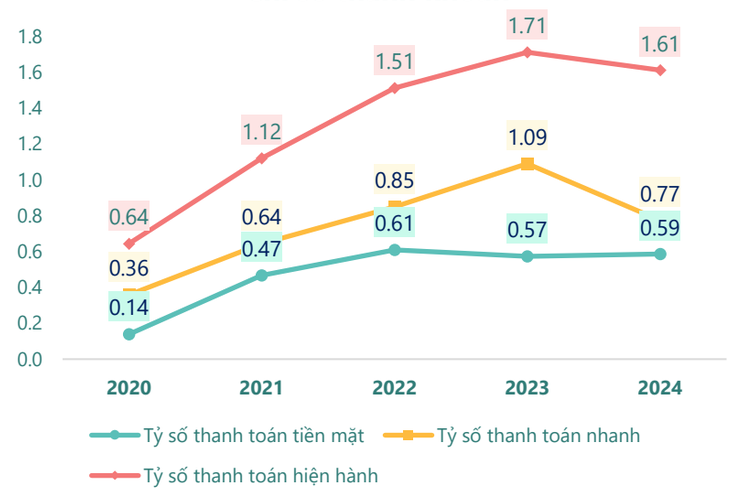
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



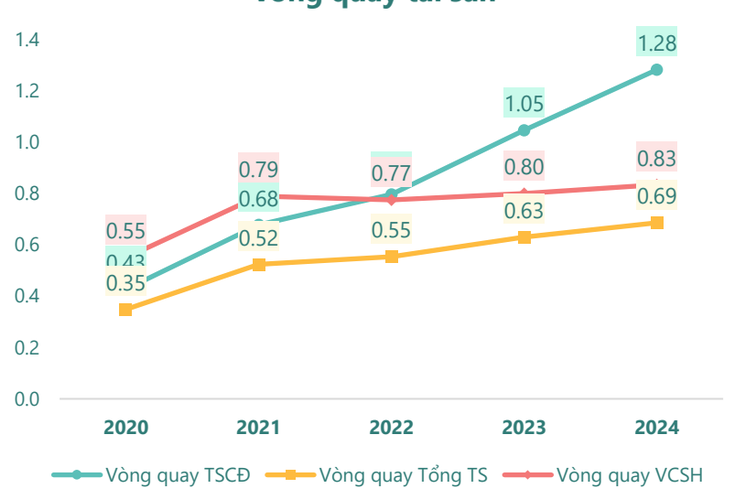
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



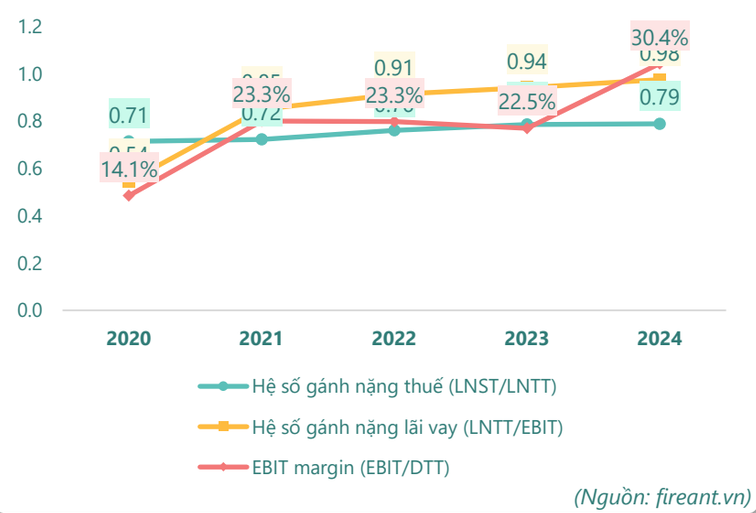
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



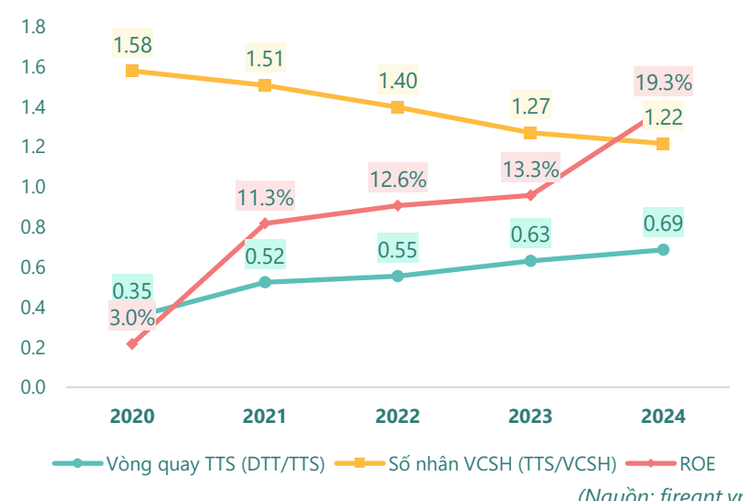
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



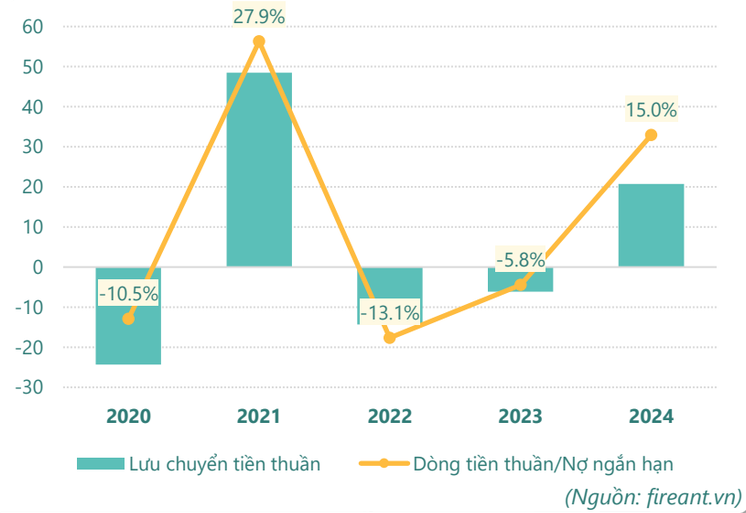
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**147**	**148**	**-0.6%**	**470**	**444**	**6.1%**
Giá vốn hàng bán	68.1	81.4	-16.4%	281	284	-1.2%
Lợi nhuận gộp	79.0	66.1	19.5%	190	159	19.0%
Doanh thu HĐTC	5.62	5.03	11.8%	23.2	17.8	30.4%
Chi phí TC	2.99	2.49	19.9%	6.93	19.3	-64.0%
Chi phí lãi vay	1.12	1.38	-18.6%	3.51	5.87	-40.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.82	12.0	-18.1%	30.5	34.4	-11.3%
Chi phí QLDN	**17.1**	**9.94**	**72.0%**	**34.2**	**26.8**	**27.8%**
LN thuần từ HĐKD	54.7	46.6	17.4%	141	96.6	46.1%
Lợi nhuận khác	**-1.21**	**-6.33**	**80.9%**	**-1.46**	**-2.88**	**49.3%**
LN trước thuế	53.5	40.3	32.7%	140	93.7	49.0%
Lợi nhuận sau thuế	**38.1**	**31.6**	**20.5%**	**110**	**73.7**	**49.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.4**	**31.4**	**22.4%**	**109**	**73.7**	**47.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.8	77.3	17.3	-3.84	48.1	69.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.42	-6.96	-12.8	-2.83	-5.93	1.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.2	-37.6	-35.7	8.31	-22.3	-40.8
Tiền đầu kỳ	24.9	29.4	60.3	28.4	31.0	50.4
Lưu chuyển tiền thuần	**8.13**	**32.7**	**-31.3**	**1.65**	**19.8**	**30.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.62	-1.74	-0.62	0.91	-0.37	0.15
Tiền cuối kỳ	29.4	60.3	28.4	31.0	50.4	81.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**729**	**642**	**13.5%**
Tài sản ngắn hạn	223	180	23.9%
Tiền và tương đương tiền	81.1	60.3	34.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	7.50	38.3	-80.4%
Hàng tồn kho	116	65.4	77.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.53	6.10	39.8%
Tài sản dài hạn	**506**	**462**	**9.5%**
Phải thu dài hạn	80.0	43.0	86.0%
Tài sản cố định	375	359	4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.8	46.6	-21.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.0**	**11.2**	**-1.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	138	105	31.6%
Nợ ngắn hạn	**138**	**105**	**31.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.5	45.3	-32.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.43	1.72	158%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**591**	**537**	**10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**591**	**537**	**10.0%**
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)